

7-Bảy Pháp

Có bảy tài, đó là tín, giới, văn, thí, huệ, tâm và quý.

Có bảy lực, đó là tín, tinh tấn, tâm, quý, niệm, định và huệ lực.

Có bảy pháp chỉ tránh, đó là hiện tiền, tự ngôn, ức niệm, bất si, mịch tội tướng, đa mịch và bố thảo chỉ tránh.

Có bảy loại y, đó là y gai, y Sô ma, y Sa noa, y Kiêu thi da, y Súly di la, y Khâm bà la và y kiếp bối.

Có bảy nội chúng, đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Có bảy pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một, đó là không có lòng tin, lưỡi biếng, không biết hổ, không biết thẹn, hay quên, không có định và ít trí huệ.

Có bảy pháp không phải là chánh pháp, đó là không kính pháp, không kính nghĩa, không kính thời, không biết đủ, không tự kính mình, không kính chúng, không phân biệt người. Ngược với bảy pháp này thì gọi là bảy chánh pháp.

Trì luật có bảy đức:

- Một là có thể trì nội Tạng của Phật.
- Hai là có thể đoạn trừ tranh cãi (diệt tránh).
- Ba là do trì giới nên ở vị trí trên các ngoại đạo.
- Bốn là do trì luật nên không ai có thể gạn hỏi.

- Năm là do trì luật nên không gạn hỏi người khác.

- Sáu là ở trong chúng nói giới không có sợ gì.

- Bảy là có thể đoạn nghi khiến chánh pháp trụ lâu.

Có bảy Phật đại trì luật: Một là Phật Tỳ-bà-thi, hai là Phật Thi-khí, ba là Phật Tùy-diếp, bốn là Phật Câu-lưu-tôn, năm là Phật Câu-na-hàm-Mâu-ni, sáu là Phật Ca-diếp, bảy là Phật Thích-ca-mâu-ni .

8-Tám Pháp

Có tám chúng đó là Sát-đế-ly, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di.

Có tám pháp có thể chứng quả Niết bàn, đó là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

Có tám pháp được thí, đó là giới (cõi) được thí, y chỉ được thí, chế hạn được thí, nhân duyên được thí, Tăng được thí, Hiện tiền được thí, an cư được thí và tám là chỉ thị (chỉ định) được thí.

Do tám việc nên xả y Ca-hi-na, đó là khi ba y đã đủ, khi y may thành, khi đi, khi nghe, khi mất y, khi khởi tâm không trở về, khi quá thời hạn, khi cùng Tăng xả.

Có tám loại guốc không nên cất chứa, đó là guốc gỗ, guốc Đa-la, guốc Ba-la-xá, guốc tre, guốc lá cây, guốc Vãn-nhã, guốc ba-ba, guốc

Khâm-bà-la.

Có tám loại theo thế pháp, đó là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ và lạc.

Có tám nạn, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn thú dữ, nạn rỗng, nạn người, nạn phi nhân.

Có Tỳ-kheo khi đang hành Biệt trụ thì xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: “Trong khi con đang hành Biệt trụ, xả giới rồi xin thọ giới lại, nay con phải làm sao”, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Vốn đang hành Biệt trụ thì nên cho hành Biệt trụ, không nên tác pháp cho lại nữa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di ... cho đến người bị Bất kiến tấn, người bị Bất tác tấn, người bị Ác tà bất trừ tấn cũng như vậy”.

Có Tỳ-kheo hành Biệt trụ xong liền xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: “Con hành Biệt trụ xong liền xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm thế nào”, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu đã hành Biệt trụ xong thì nên bảo theo tăng xin cho pháp hành Ma-na-đỏa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di... cho đến người bị Bất kiến tấn, người bị Bất tác tấn, người bị Ác tà bất trừ tấn cũng như vậy”.

Có Tỳ-kheo đang hành Ma-na-đỏa thì xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: “Trong khi con đang hành Ma-na-đỏa thì xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm sao”, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Vốn đang hành Ma-na-đỏa thì nên hành Ma-na-đỏa, không nên tác pháp cho lại nữa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di... cho đến người bị Bất kiến tấn, người bị Bất tác tấn, người bị Ác tà bất trừ tấn cũng như vậy”.

Có Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa xong liền xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: “Con hành Ma-na-đỏa xong liền xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm thế nào”, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu đã hành Ma-na-đỏa xong thì nên bảo theo Tăng xin cho xuất tội. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di ... cho đến người bị Bất kiến tấn, người bị Bất tác tấn, người bị Ác tà bất trừ tấn cũng như vậy”.

9-Chín Pháp

Có chín loại não hại:

- Một là người này đã xâm hại, tổn hại tôi.
- Hai là người này sẽ xâm hại, tổn hại tôi.
- Ba là người này đang xâm hại, tổn hại tôi.
- Bốn là người này đã làm lợi ích cho oan gia của tôi.

- Năm là người này sẽ làm lợi ích cho oan gia của tôi.
- Sáu là người này đang làm lợi ích cho oan gia của tôi.
- Bảy là người này đã xâm hại, tổn hại đến bà con tôi.
- Tám là người này sẽ xâm hại, tổn hại đến bà con tôi.
- Chín là người này đang xâm hại, tổn hại đến bà con tôi.

Chín pháp này khiến họ sanh não nên gọi là cửu não. Ngược lại, nếu nghĩ rằng: “Tại sao không khiến cho người này không xâm hại, tổn hại đến tôi mà làm lợi ích cho tôi”, nghĩ như thế thì xả được phiền não; hoặc nghĩ rằng: “Tại sao không khiến cho người này làm lợi ích cho oan gia của tôi”, nghĩ như thế thì xả được phiền não; hoặc nghĩ rằng: “Tại sao không khiến cho người này không xâm hại, tổn hại đến bà con tôi”, nghĩ như thế thì xả được phiền não. Đó gọi là chín pháp xả não.

10-Mười Pháp

Có mười pháp khiến chánh pháp diệt vong mai một, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni, Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm, khinh mà nói là trọng, trọng mà nói là khinh, Vô tàm mà nói là Hữu tàm, Hữu tàm mà nói là Vô tàm.

Ngược với mười pháp trên thì gọi là mười pháp không khiến cho chánh pháp diệt vong, mai một.

Có mười pháp gọi là Thượng tào:

- Một là người có chỗ ở, không sợ, không ai có thể ngăn.
- Hai là người đã dứt phiền não, quen biết nhiều, có tiếng tăm, có thể khiến người khác sanh tâm tịnh.
- Ba là người có biện tài đầy đủ, không ai thắng được.
- Bốn là người có thể nói pháp không trệ ngại, nghĩa thú rõ ràng khiến người nghe tín thọ.
- Năm là người khéo hay thư thả khi đi vào nhà người.
- Sáu là người có thể nói pháp thâm diệu cho bạch y.
- Bảy là người khéo phân biệt các đạo.
- Tám là người khéo khuyên người khác hành bố thí, trai giới.
- Chín là người có thể khuyên người khác bỏ ác theo thiện.
- Mười là người tự có đủ bốn đức, được hiện pháp an lạc, không có gì thiếu sót.

Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la có mười pháp này thì Tăng không nên sai:

- Một là không biết nguồn gốc việc tranh cãi và chỗ qua lại ban đầu
- Hai là không biết tranh cãi.
- Ba là không khéo phân biệt việc tranh cãi.
- Bốn là không biết được nhân duyên phát sanh tranh cãi.

- Năm là không biết nghĩa của việc tranh cãi.
- Sáu là không khéo diệt tránh.
 - Bảy là không thể làm cho việc tranh cãi đã dứt diệt không phátkhôùi trôù lại.
 - Tám là giới không thanh tịnh.
 - Chín là không có đa văn.
 - Mười là ít trí huệ.

Ngược với mười pháp trên thì Tăng nên sai làm Ô-hôi-cưu-la.

Phật tại nước Bà-già, trong tụ lạc Na-lê-bàn có một Ưu-bà-tắc với tâm tin ưa thanh tịnh xây cất một phòng xá cúng riêng cho trưởng lão La-vân. La-vân thọ rồi liền đi du hành hai tháng, Ưu-bà-tắc này thấy vậy liền đem phòng xá này cúng cho Tăng bốn phương. Du hành hai tháng xong trở về, La-vân mới biết Ưu-bà-tắc đã đem phòng xá này cúng cho Tăng bốn phương, liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật rồi nói: “Thế tôn, nay con phải làm sao”, Phật bảo: “Thầy nên đến hỏi Ưu-bà-tắc đó rằng: “Tôi không có điều gì xúc phạm ông chứ, hay là ông thấy tôi làm điều không phải hạnh Sa-môn, hay là thân khẩu tôi đã tạo tội lỗi gì?”. La-vân vâng lời Phật dạy đến hỏi Ưu-bà-tắc y như vậy, Ưu-bà-tắc nói: “Đại đức không có điều gì xúc phạm tôi, tôi cũng không thấy đại đức làm điều gì không phải hạnh Sa-môn, thân khẩu cũng không tạo tội lỗi gì”, lúc đó La-vân nói pháp chỉ dạy cho Ưu-bà-tắc được lợi hỉ rồi ra về, đến chỗ Phật bạch lại đầy đủ việc trên. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: Có mười cách thí phi pháp, mười cách thọ phi pháp và mười cách dùng phi pháp, đó là:

- Một là đã cúng thí cho Tăng này rồi lại chuyển qua cúng thí cho Tăng khác, đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Hai là đã cúng thí cho Ni tăng này rồi lại chuyển qua cúng thí cho Ni tăng khác, đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Ba là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Bốn là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Năm là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo-ni này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo-ni khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Sáu là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Thức-xoa-ma-na này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Thức-xoa-ma-na khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Bảy là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di-ni này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di-ni khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Tám là đã thí cho ba hoặc hai, một súc sanh này lại chuyển qua thí cho ba hoặc hai, một súc sanh khác; đây gọi là thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Chín là đã cúng thí cho Tỳ-kheo tăng lại chuyển qua cúng thí cho Tỳ-kheo-ni tăng; hoặc đã cúng thí cho Tỳ-kheo-ni tăng lại chuyển qua cúng thí cho Tỳ-kheo tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Mười là nếu Tăng bị phá làm hai bộ, đã cúng thí cho bộ tăng này lại chuyển qua cúng thí cho bộ Tăng khác; đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng thí trước thì gọi là cúng thí như pháp, cúng thí sau là cúng thí phi pháp. Như vua là đàn việt chủ đất, chủ phòng xá chỉ được trông coi gìn giữ, không được đoạt của nơi này đem thí cho một nơi khác”.